



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Tạ Quốc Bảo	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013



Số: 201 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập ngày 16/08/2013 của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 21 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0294-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		49.391.239.102	61.720.765.520
I-	Nợ ngắn hạn	310		49.391.239.102	59.720.765.520
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	9	35.530.285.371	38.960.036.006
2.	Phải trả cho người bán	312	10	6.447.630.964	8.102.186.840
3.	Người mua trả tiền trước	313		250.961.476	36.487.836
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.537.521.328	10.264.589.701
5.	Phải trả người lao động	315		810.872.777	988.503.445
6.	Chi phí phải trả	316	12	1.781.078.913	470.349.620
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.598.613.247	433.337.046
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		434.275.026	465.275.026
II-	Nợ dài hạn	330		-	2.000.000.000
1.	Vay và nợ dài hạn	334		-	2.000.000.000
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		127.972.922.253	120.079.481.577
I-	Vốn chủ sở hữu	410	14	127.972.922.253	120.079.481.577
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		646.751.137	646.751.137
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.036.899.893	1.070.154.053
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.367.271.223	23.440.576.387
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		177.364.161.355	181.800.247.097

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại		
USD	914,53	9.852,61



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Hue

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Phong

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu số B 02a-DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		214.172.858.779	155.042.683.020
2. Các khoản giảm trừ	02		1.140.675.181	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	213.032.183.598	155.042.683.020
4. Giá vốn hàng bán	11	16	192.115.876.629	132.335.320.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.916.306.969	22.707.362.298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.182.200	10.975.176
7. Chi phí tài chính	22	17	2.738.920.073	3.251.062.762
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.949.933.815	3.220.924.222
8. Chi phí bán hàng	24		4.047.391.531	705.039.386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.610.106.135	4.410.413.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		10.533.071.430	14.351.821.356
11. Thu nhập khác	31		1.864.853.239	44.470.631.263
12. Chi phí khác	32		1.828.998.220	127.426
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		35.855.019	44.470.503.837
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.568.926.449	58.822.325.193
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	2.642.231.613	10.293.906.909
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		7.926.694.836	48.528.418.284



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu số B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	174.353.209.686	160.287.343.824
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(141.619.254.186)	(148.403.510.022)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.241.486.604)	(6.738.020.273)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.030.972.558)	(3.085.367.394)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.392.846.921)	(300.641.947)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	81.372.114	7.492.700
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.693.392.293)	(2.211.106.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.456.629.238	(443.809.429)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(277.912.727)	(7.447.982.399)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.182.200	10.975.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(264.730.527)	(7.437.007.223)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	127.749.581.549	145.583.931.147
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.179.332.184)	(134.326.015.151)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.690.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.429.750.635)	9.567.915.996
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	6.762.148.076	1.687.099.344
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	719.751.647	700.700.146
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(522.482)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	7.481.899.723	2.387.277.008



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%
Cộng	94.922.000.000	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 48 người (tại ngày 31/12/2012 là 48 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Các bên liên quan gồm:

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan - Công ty con.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.749.610.233	51.158.107
Tiền gửi ngân hàng	5.732.289.490	668.593.540
Cộng	7.481.899.723	719.751.647

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	9.902.405.925	16.437.367.720
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	2.970.736.760	886.913.110
Cửa hàng Hưng Chanh	2.689.277.657	765.297.459
Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Việt Khoa	1.471.486.251	579.487.200
Công ty TNHH TM và SXKD Phú Đức Phát	1.324.194.946	524.400.446
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	1.233.780.900	-
Các đối tượng khác	5.969.989.029	5.325.699.791
Cộng	25.561.871.468	24.519.165.726

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	28.439.346.522	27.620.422.703
Công cụ, dụng cụ tồn kho	102.322.814	598.810.946
Hàng hóa tồn kho	22.347.564.425	33.297.971.952
Cộng	50.889.233.761	61.517.205.601
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	50.889.233.761	61.517.205.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	18.128.905.344	3.838.863.583	2.988.673.363	22.727.273	24.979.169.563
Mua sắm mới	-	-	277.912.727	-	277.912.727
Số dư tại 30/06/2013	<u>18.128.905.344</u>	<u>3.838.863.583</u>	<u>3.266.586.090</u>	<u>22.727.273</u>	<u>25.257.082.290</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	1.750.309.491	400.255.984	1.020.555.088	9.469.698	3.180.590.262
Khấu hao trong kỳ	785.079.547	201.597.123	158.697.426	2.272.727	1.147.646.822
Số dư tại 30/06/2013	<u>2.535.389.038</u>	<u>601.853.107</u>	<u>1.179.252.514</u>	<u>11.742.425</u>	<u>4.328.237.084</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2013	<u>16.378.595.853</u>	<u>3.438.607.599</u>	<u>1.968.118.275</u>	<u>13.257.575</u>	<u>21.798.579.301</u>
Số dư tại 30/06/2013	<u>15.593.516.306</u>	<u>3.237.010.477</u>	<u>2.087.333.576</u>	<u>10.984.848</u>	<u>20.928.845.206</u>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2013 là 191.173.133 đồng (tại 01/01/2013 là 191.173.133 đồng).

Giá trị còn lại đến 30/06/2013 của các tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay là 18.903.078.966 đồng (tại 01/01/2013 là 18.903.078.966 đồng).

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND) thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm. Tại ngày 30/06/2013, Công ty có một số tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND, tuy nhiên tổng giá trị của các tài sản đó không đáng kể nên Công ty chưa điều chỉnh theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC trên báo cáo tài chính kỳ này mà sẽ điều chỉnh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty con	72.000.000.000	72.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	72.000.000.000

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	Số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	90,00%	90,00%	Sản xuất quạt điện

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	35.530.285.371	37.960.036.006
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (i)	35.530.285.371	37.960.036.006
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.000.000.000
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng	-	1.000.000.000
Cộng	35.530.285.371	38.960.036.006

Ghi chú: (i) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/HM/2012 với hạn mức cho vay 58.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ thực tế hết ngày 10/08/2012 của Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2011 ngày 01/07/2011 chuyển sang. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 10/08/2012 đến ngày 30/06/2013. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay theo ngành nghề kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND, lãi suất cho vay VND áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Mitsubish Electric Việt Nam	2.772.704.000	22.819.500
Công ty TNHH Tân Thành	1.094.416.200	1.015.169.034
Công ty TNHH TMDV Dương Tường Giang	835.164.000	823.648.925
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lodovit CN Hà Nội	300.113.715	-
Công ty TNHH Điện Ngũ Phúc	247.594.383	498.412.034
Công ty TNHH thương mại Phú Lâm	-	940.000.000
Công ty TNHH Tâm Chiến Tachiko	-	742.500.000
Công ty CP Đầu tư và phát triển Thành Nghĩa	-	562.950.894
Các đối tượng khác	1.197.638.666	3.496.686.453
Cộng	6.447.630.964	8.102.186.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.492.031.613	10.242.646.921
Thuế nhập khẩu	44.363.640	7.025.284
Thuế thu nhập cá nhân	1.126.075	14.917.496
Cộng	2.537.521.328	10.264.589.701

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.078.913	162.117.656
Dự phòng bảo hành sản phẩm (i)	1.700.000.000	308.231.964
Cộng	1.781.078.913	470.349.620

Ghi chú: (i) Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành trên cơ sở thống kê thực tế số chi phí bảo hành của năm trước liền kề quy đổi theo phần trăm tỷ lệ doanh thu (khoảng 1% doanh thu bán hàng).

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	417.946.831	404.081.393
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.180.666.416	29.255.653
Cộng	1.598.613.247	433.337.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2012	16.900.000.000	4.439.500.000	2.967.251.137	685.698.735	13.823.283.596	38.815.733.468
Lãi trong năm	-	-	-	-	49.547.024.521	49.547.024.521
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	34.082.000.000	-	-	-	-	34.082.000.000
Chia cổ phiếu thưởng	43.940.000.000	(4.439.500.000)	(2.320.500.000)	-	(37.180.000.000)	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	413.525.015	(2.749.731.730)	(2.336.206.715)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(29.069.697)	-	(29.069.697)
Số dư ngày 01/01/2013	94.922.000.000	-	646.751.137	1.070.154.053	23.440.576.387	120.079.481.577
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.926.694.836	7.926.694.836
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(33.254.160)	-	(33.254.160)
Số dư ngày 30/06/2013	94.922.000.000	-	646.751.137	1.036.899.893	31.367.271.223	127.972.922.253

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2013	01/01/2013	Đơn vị tính
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 30/06/2013		Vốn đã góp tại 01/01/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%	48.730.910.000	51,3%
Cộng	94.922.000.000	100%	94.922.000.000	100%

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng	214.172.858.779	155.042.683.020
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	(1.140.675.181)	-
Doanh thu thuần về bán hàng	213.032.183.598	155.042.683.020

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn hàng bán	192.115.876.629	132.335.320.722
Cộng	192.115.876.629	132.335.320.722

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	1.949.933.815	3.220.924.222
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	71.369.533	30.138.540
Chiết khấu thanh toán	717.616.725	-
	2.738.920.073	3.251.062.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.568.926.449	58.822.325.193
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.568.926.449	58.822.325.193
Thu nhập từ bán hàng	10.568.926.449	14.366.339.021
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn	-	44.455.986.172
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành từ bán hàng	2.642.231.613	3.591.584.755
Thuế TNDN từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn	-	11.113.996.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(4.411.674.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.642.231.613	10.293.906.909

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị số kế toán 30/06/2013	01/01/2013
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.481.899.723	719.751.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.927.797.416	24.554.338.661
Cộng	32.409.697.139	25.274.090.308
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	35.530.285.371	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	8.046.244.211	8.535.523.886
Chi phí phải trả	1.781.078.913	470.349.620
Cộng	45.357.608.495	49.965.909.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2013				
Vay và nợ	35.530.285.371	-	-	35.530.285.371
Phải trả người bán, phải trả khác	8.046.244.211	-	-	8.046.244.211
Chi phí phải trả	1.781.078.913	-	-	1.781.078.913
Cộng	45.357.608.495	-	-	45.357.608.495
Chênh lệch thanh khoản thuần	45.357.608.495	-	-	45.357.608.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	719.751.647	-	-	719.751.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.554.338.661	-	-	24.554.338.661
Cộng	25.274.090.308	-	-	25.274.090.308
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	40.960.036.006	-	-	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	8.535.523.886	-	-	8.535.523.886
Chi phí phải trả	470.349.620	-	-	470.349.620
Cộng	49.965.909.512	-	-	49.965.909.512
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.691.819.204	-	-	24.691.819.204

Chênh lệch thanh khoản thuần âm là do Công ty sử dụng vốn vay để mua hàng hóa, nguyên vật liệu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với khả năng tiêu thụ hàng hóa hàng của Công ty như hiện nay có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số dư cuối kỳ trên báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012) đã được được soát xét.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cùng kỳ năm trước đã được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (đã soát xét)	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 (trình bày lại)	Đơn vị: VND Chênh lệch
----------	-------	--	--	---------------------------

Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.988.513.203	10.293.906.909	6.305.393.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10.717.068.095	-	(10.717.068.095)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	44.116.743.895	48.528.418.284	4.411.674.389



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu